

ĐVT: 1.000.000 đồng

STT	ĐƠN VỊ	Biên chế được duyệt năm 2025	Biên chế có mặt tháng 10 năm 2025	Hợp đồng có mặt tháng 10 năm 2025	DỰ TOÁN THU 2026		THAM KẾ ĐỀ XUẤT																										10 % tiết kiệm giữ lại NS					
							DỰ TOÁN CHI TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC											KINH PHÍ KHÔNG TỰ CHỨC/KTX																				
					Tổng	Sự nghiệp	KINH PHÍ TỰ CHỦ/THƯỜNG XUYÊN											KINH PHÍ KHÔNG TỰ CHỦ/KTX												Trong đó								
							Tổng dự toán chi năm 2026	Cộng KP tự chủ/ thường xuyên	Tổng quỹ lương mức 2.340.000 đ	Lương mức 1.490 triệu đồng	Nhu cầu tăng lương (mức chênh lệch 850.000đ)	Chi hoạt động thường xuyên (đã trừ TK)	KP hỗ trợ HDLD theo ND số 11/202 2/ND-CP	Cộng KP không tự chủ/ không thường xuyên	BAO GỒM:												10% Tiết kiệm TC/TX	10% Tiết kiệm KTC/KT X										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32							
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32					
1	Quản lý nhà nước	87	63	9	0	0	21.944	19.161	14.927	14.927	5.422	3.334	900	2.783	0	2.783	0	18	242	30	100	90	300	700	0	0	0	0	945	240	118	988	371	371	0			
1	Văn phòng Sở	87	63	9	0	0	21.944	19.161	14.927	9.505	5.422	3.334	900	2.783	0	2.783	0	18	242	30	100	90	300	700	0	0	0	945	240	118	988	371	371	0				
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	5.236	4.545	34	90.263	90.263	1.067.185	871.117	554.685	316.432	182.882	2.724	10.462	0	10.462	4.795	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2.200	862	101	311	0	0	2.193	796	20.805	20.805	0	
II	Chi sự nghiệp giáo dục	4.956	4.332	20	75.429	75.429	1.012.022	1.008.617	832.025	529.793	302.232	175.214	1.378	3.405	0	3.405	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	850	101	311	0	0	2.143	778	19.953	19.953	0		
1	Trường THPT Chuyên Trần Văn Giàu	93	84	816	816	19.345	19.345	16.054	10.223	5.831	3.291	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	475	475	0	0		
2	Trường THPT Lê Quý Đôn	83	79	1.264	1.264	21.761	21.761	17.912	11.407	6.505	3.778	71	71	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	59	22	424	424	0	
3	Trường THPT Tân An	88	87	1.395	1.395	22.534	22.520	18.595	11.840	6.755	3.925	14	14	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	436	436	0	0	
4	Trường THPT Hùng Vương	74	74	1.160	1.160	18.864	18.794	15.521	9.883	5.638	3.273	70	70	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	59	22	367	367	0	0
5	Trường THPT Nguyễn Thông	103	101	1.637	1.637	24.936	24.841	20.514	13.062	7.452	4.327	95	95	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	84	31	485	485	0	0
6	Trường THPT Phan Văn Đạt	51	51	783	783	12.499	12.455	10.285	6.549	3.736	2.170	44	44	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	17	6	242	242	0	0
7	Trường THPT Thủ Thừa	96	95	1.620	1.620	23.500	23.414	19.335	12.312	7.023	4.079	86	86	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	59	22	456	456	0	0
8	Trường THPT Mỹ Lạc	50	43	720	720	10.167	10.097	8.339	5.310	3.029	1.758	70	70	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	59	22	198	198	0	0
9	Trường THPT Tân Trụ	69	67	1.064	1.064	16.847	16.785	13.861	8.826	5.035	2.924	62	62	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	42	15	327	327	0	0
10	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	50	48	698	698	10.886	10.805	8.923	5.682	3.241	1.882	81	81	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	42	15	211	211	0	0
11	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	99	95	1.738	1.738	23.251	23.190	19.150	12.194	6.956	4.040	61	61	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	51	19	452	452	0	0	
12	Trường THPT Nguyễn Trung Trực - Bến Lức	89	77	1.466	1.466	16.931	16.899	13.954	8.885	5.069	2.945	32	32	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	25	9	328	328	0	0	
13	Trường THPT Gò Đen	85	75	1.350	1.350	15.971	15.890	13.122	8.355	4.767	2.768	81	81	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	42	15	310	310	0	0	
14	Trường THPT Cần Giuộc	80	72	1.247	1.247	16.932	16.852	13.917	8.862	5.055	2.935	80	80	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	59	22	329	329	0	0	
15	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	86	74	1.436	1.436	14.888	14.815	12.235	7.791	4.444	2.580	73	73	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	59	22	290	290	0	0	
16	Trường THPT Đồng Thành	85	76	1.404	1.404	17.704	17.623	14.553	9.267	5.286	3.070	81	81	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	51	19	344	344	0	0	
17	Trường THPT Cần Đước	76	74	1.099	1.099	18.062	18.010	14.872	9.470	5.402	3.138	52	52	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	42	15	351	351	0	0	
18	Trường THPT Chu Văn An	54	42	905	905	9.268	9.242	7.632	4.860	2.772	1.610	26	26	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	17	6	180	180	0	0	
19	Trường THPT Long Hưng Đông	50	46	734	734	9.607	9.563	7.897	5.028	2.869	1.666	44	44	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	25	9	186	186	0	0	
20	Trường THPT Long Cang	54	47	907	907	10.114	10.075	8.320	5.298	3.022	1.755	39	39	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	34	12	197	197	0	0	
21	Trường THPT Rạch Kiến	99	95	1.620	1.620	22.273	22.209	18.340	11.678	6.662	3.869	64	64	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	51	19	433	433	0	0	
22	Trường THPT An Ninh	72	58	1.010	1.010	12.556	12.508	10.329	6.577	3.752	2.179	48	48	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	42	15	244	244	0	0	
23	Trường THPT Võ Văn Tần	99	82	1.890	1.890	15.839	15.782	13.032	8.298	4.734	2.750	57	57	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	25	9	307	307	0	0	
24	Trường THPT Đức Hoà	107	92	2.061	2.061	20.590	20.528	16.951	10.794	6.157	3.577	62	62	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	42	15	400	400	0	0	
25	Trường THPT Hậu Nghĩa	151	127	2.601	2.601	30.330	30.237	24.969	15.899	9.070	5.268	93	93	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	76	28	589	589	0	0	
26	Trường THPT Đức Huệ	74	61	1.175	1.175	14.584	14.505	11.979	7.628	4.351	2.526	69	69	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	59	22	284	284	0	0	
27	Trường THPT Thanh Hoá	70	63	1.037	1.037	13.773	13.696	11.311	7.202	4.109	2.385	77	77	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	59	22	268	268	0	0	
28	Trường THPT Tân Thành	72	64	1.039	1.039	14.469	14.398	11.890	7.571	4.319	2.508	71	71	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	51	19	281	281	0	0	
29	Trường THPT Vĩnh Hưng	64	60	980	980	13.779	13.718	11.328	7.213	4.115	2.390	61	61	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	34	12	267	267	0	0	
30	Trường THPT Kiến Tường	62	61	833	833	14.286	14.215	11.739	7.475	4.264	2.476	71	71	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	51	19	278	278	0	0	
31	Trường THPT Thiên Hộ Dương	52	49	649	649	11.282																																

